

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Phạm Văn Phấn

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 03/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 04/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Lê Thị N, sinh năm 1999; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm E, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại: 456-2, K, N, Y N. Đề nghị vắng mặt;

Anh Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1997; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm H, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Hiện cư trú tại: S Residences T, Shore St, B. 76, P, B, P, Metro M. 1302, National C (NCR), Philippines. Đề nghị vắng mặt;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962 và bà Lê Thị Q, sinh năm 1963 (bố mẹ của anh Nguyễn Ngọc P). Địa chỉ: Xóm H, xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Đề nghị vắng mặt;

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn trình bày và đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, người yêu cầu là chị Lê Thị N (có chứng thực của Đ tại Nhật Bản) và anh Nguyễn Ngọc P (có chứng thực của Đ tại P) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống và

trong việc chăm sóc con cái. Đến tháng 6 năm 2022, chị **N** xuất cảnh sang Nhật Bản; tháng 12 năm 2022 anh **P** cũng xuất cảnh sang Philippines lao động thì vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay cả chị **N** và anh **P** đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị **N** và anh **P** đều thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị **Lê Thị N** và anh **Nguyễn Ngọc P** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Ngọc Gia H**, sinh ngày 17/02/2019, hiện cháu **H** đang do ông **Nguyễn Ngọc T** và bà **Lê Thị Q** (bố mẹ anh **P**) và là ông bà nội của cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị **N**, anh **P** thỏa thuận; anh **Nguyễn Ngọc P** được quyền nuôi dưỡng con chung và tiếp tục nhờ ông **T**, bà **Q** chăm sóc con chung cho đến khi anh **P** về nước và anh **P** không yêu cầu chị **N** cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Lê Thị N** và anh **Nguyễn Ngọc P** đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Lê Thị N** và anh **Nguyễn Ngọc P** hiện đang làm ăn, cư trú ở nước ngoài, không có điều kiện về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn nên chị **N**, anh **P** ủy quyền cho ông **Nguyễn Ngọc T** nộp đơn yêu cầu, tài liệu và nhận các văn bản của Tòa án. Đồng thời, chị **N**, anh **P** đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q trình bày: Ông **T**, bà **Q** là bố mẹ của anh **P** là người được anh **P**, chị **N** nhờ trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng cháu **Nguyễn Ngọc Gia H** con chung của vợ chồng trong thời gian từ khi anh **P**, chị **N** đi nước ngoài đến nay. Nay vợ chồng ly hôn, ông **T**, bà **Q** không yêu cầu vợ chồng chị **N**, anh **P** phải thanh toán các khoản chi phí mà ông, bà đã chăm sóc cháu và đề nghị Tòa án giao cháu **H** cho anh **P** nuôi dưỡng. Ông **T**, bà **Q** cam kết tiếp tục quản lý, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **H** chu đáo trong thời gian anh **P** chưa về nước. Ông **T**, bà **Q** đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đều xin giải quyết vắng mặt là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **N và anh **P**. Giao cháu **Nguyễn Ngọc Gia H**, sinh ngày 17/02/2019 cho anh **P** nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện nhận trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **H** của ông **T**, bà **Q** trong thời gian anh **P** chưa về nước.**

Về cấp dưỡng và công sức trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con: Các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Lê Thị N** và anh **Nguyễn Ngọc P** đề nghị Tòa án chưa giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị **Lê Thị N và anh **Nguyễn Ngọc P** hiện đang ở**

nước ngoài, sau khi gửi đơn yêu cầu và trình bày quan điểm nhưng vì điều kiện không thể trực tiếp tham gia hòa giải, giải quyết vụ việc, chị N, anh P đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt (các văn bản của chị N đều có xác nhận của Đ tại Nhật Bản; các văn bản của anh P đều có xác nhận của Đ tại P). Đối với ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q đã có quan điểm về việc yêu cầu của chị N, anh P và đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 370; Điều 371; Điều 469; Điều 478 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc trường hợp không thể hoà giải được và Toà án tiến hành phiên họp giải quyết vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại phiên họp, mặc dù vắng mặt nhưng chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P vẫn giữ nguyên nội dung thuận tình ly hôn và thỏa thuận việc con chung chưa thành niên. Xét thấy, chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc được một thời gian, đến tháng 10/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng về quan điểm sống và trong việc chăm sóc con cái. Đến tháng 6 năm 2022, chị N xuất cảnh sang Nhật Bản; tháng 12 năm 2022 anh P cũng xuất cảnh sang Philippines lao động thì vợ chồng cắt đứt mọi liên lạc, không quan tâm gì đến nhau kể cả vật chất lẫn tinh thần. Nay cả chị N và anh P đều xác định, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N và anh P đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về nuôi con chung: Anh Nguyễn Ngọc P và chị Lê Thị N có 01 con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/02/2019, hiện đang do vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q bố mẹ anh P và là ông bà nội của cháu chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P thống nhất thỏa thuận giao con chung là cháu Nguyễn Ngọc Gia H cho anh P được quyền nuôi dưỡng. Xét sự thống nhất giữa chị N và anh P về việc giao con chung chưa thành niên cho anh P nuôi dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Hơn nữa, mặc dù anh P đang ở nước ngoài nhưng từ trước đến nay cháu H được anh P, chị N gửi nhờ ông T, bà Q (bố mẹ của anh P) chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo. Và ông T, bà Q tự nguyện, cam kết tiếp tục quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu cho đến khi anh P về nước, do đó cần giao cháu H cho anh Nguyễn Ngọc P nuôi dưỡng là phù hợp cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng, anh Nguyễn Ngọc P là người được quyền nuôi con chung nhưng không yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên, chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Anh P và chị N đều thống nhất không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[3] Về việc quản lý, chăm sóc con chung: Vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q là người trực tiếp quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Gia H trong thời gian từ khi chị N, anh P đi nước ngoài đến nay. Tuy nhiên, vợ chồng ông T, bà Q không yêu cầu chị N, anh P phải thanh toán các khoản chi phí chăm sóc cháu và tự nguyện cam kết tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý cháu H trong thời gian anh P chưa về nước nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 29; khoản 3 Điều 35; Điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 228; Điều 370; Điều 371; Điều 469; Điều 478 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 104; Điều 122; Điều 123; Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

2.1. Giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/02/2019 cho anh Nguyễn Ngọc P nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Q nhận trách nhiệm quản lý, nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Gia H trong thời gian anh Nguyễn Ngọc P chưa về nước.

2.2. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chưa thành niên, chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con khi có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị N và anh Nguyễn Ngọc P không yêu cầu nên Tòa án chưa giải quyết.

4. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị N phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An theo Biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0012941 ngày 19/6/2024 (số tiền còn lại hoàn trả cho chị N).

Anh Nguyễn Ngọc P phải chịu 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền lệ phí sơ thẩm (Anh P chưa nộp).

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 13/8/2024 và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- UBND xã Nghĩa Đồng, huyện Tân Kỳ, NA;
- Lưu hồ sơ việc dân sự..

THÂM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Phạm Văn Phần